

(v/v: Giải trình chênh lệch BCTC riêng và hợp nhất năm 2019).

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo quy định tại thông tư 155/2015/TT-BTC về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 như sau:

Báo cáo tài chính riêng:

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch (Trước-Sau kiểm toán)	% chênh lệch	Chênh lệch (Năm 2019 - Năm 2018)	% chênh lệch
	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,728,357,426,139	1,752,225,302,456	1,568,940,727,391	(23,867,876,317)	-1.4%	159,416,698,748	10.2%
Các khoản giảm trừ doanh thu	19,293,756,637	19,293,756,637	4,736,050,535	-	0.0%	14,557,706,102	307.4%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,709,063,669,502	1,732,931,545,819	1,564,204,676,856	(23,867,876,317)	-1.4%	144,858,992,646	9.3%
Giá vốn hàng bán	1,547,100,879,070	1,570,368,959,906	1,371,069,873,685	(23,268,080,836)	-1.5%	176,031,005,385	12.8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	161,962,790,432	162,562,585,913	193,134,803,171	(599,795,481)	-0.4%	(31,172,012,739)	-16.1%
Doanh thu hoạt động tài chính	75,286,364,463	87,110,576,610	74,923,905,170	(11,824,212,147)	-13.6%	362,459,293	0.5%
Chi phí tài chính	108,055,575,294	108,156,431,899	92,461,916,381	(100,856,605)	-0.1%	15,593,658,913	16.9%
Chi phí bán hàng	52,379,649,887	52,379,649,887	47,662,479,508	-	0.0%	4,717,170,379	9.9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	58,361,421,623	64,361,424,086	54,530,782,877	(6,000,002,463)	-9.3%	3,830,638,746	7.0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18,452,508,091	24,775,656,651	73,403,529,575	(6,323,148,560)	-25.5%	(54,951,021,484)	-74.9%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,713,698,799	21,278,741,553	50,958,720,147	(10,565,042,754)	-49.7%	(40,245,021,348)	-79.0%

Báo cáo tài chính hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Năm 2019	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch (Trước-Sau kiểm toán)	% chênh lệch	Chênh lệch (Năm 2019 - Năm 2018)	% chênh lệch
	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,824,703,383,376	2,831,187,235,175	2,188,193,632,934	(6,483,851,799)	-0.2%	636,509,750,442	29.1%
Các khoản giảm trừ doanh thu	25,593,116,058	25,593,116,058	7,371,561,222	-	0.0%	18,221,554,836	247.2%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,799,110,267,318	2,805,594,119,117	2,180,822,071,712	(6,483,851,799)	-0.2%	618,288,195,606	28.4%
Giá vốn hàng bán	2,291,168,460,647	2,325,572,076,113	1,824,463,623,536	(34,403,615,466)	-1.5%	466,704,837,111	25.6%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	507,941,806,671	480,022,043,004	356,358,448,176	27,919,763,667	5.8%	151,583,358,495	42.5%
Doanh thu hoạt động tài chính	168,923,207,788	171,378,168,958	91,894,304,791	(2,454,961,170)	-1.4%	77,028,902,997	83.8%
Chi phí tài chính	266,755,219,433	266,856,076,038	202,358,425,312	(100,856,605)	0.0%	64,396,794,121	31.8%
Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	9,337,265,591	18,417,548,931	17,366,699,485	(9,080,283,340)	-49.3%	(8,029,433,894)	-46.2%
Chi phí bán hàng	162,007,811,615	161,935,995,169	96,146,414,372	71,816,446	0.0%	65,861,397,243	68.5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	215,826,332,744	227,441,179,351	148,453,141,502	(11,614,846,607)	-5.1%	67,373,191,242	45.4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41,612,916,258	13,584,510,335	18,661,471,266	28,028,405,923	206.3%	22,951,444,992	123.0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27,097,304,518	25,238,379,436	12,246,279,638	1,858,925,082	7.4%	14,851,024,880	121.3%



Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC riêng của Công ty CP Nhựa Đồng Nai năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Doanh thu thuần năm 2019 tăng đáng kể với năm 2018, tuy nhiên lợi nhuận gộp năm 2019 giảm so với năm 2018 do các nguyên nhân chủ yếu sau:
 - + Năm 2019, Công ty bắt đầu tham gia thị trường xây dựng dân dụng, nên cần áp dụng chính sách giá bán tốt để thâm nhập thị trường;
 - + Năm 2019, các khách hàng của Công ty cũng không thực hiện nhiều dự án lớn đòi hỏi chất kỹ thuật cao, công nghệ phức tạp (như các dự án đường ống công nghệ làm mát...) với biên lãi gộp tốt như năm trước;
 - + Đồng thời, Công ty bắt đầu vận hành chạy thử nhà máy bao bì 4 từ Quý II/2019 nên chưa khai thác hết công suất thiết kế, cũng dẫn đến giá thành sản xuất còn cao, làm giảm biên lãi gộp trong giai đoạn đầu.
- Chi phí tài chính và các chi phí chung tăng tương ứng với tăng nhu cầu vốn cho đầu tư và thực tế mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo hợp nhất năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm 2018: do quy mô hợp nhất mở rộng, gia tăng về số lượng các đơn vị thành viên ngành nước trong cấu trúc hợp nhất, nên doanh thu và chi phí hợp nhất năm 2019 đều tăng so với năm 2018. Các chỉ tiêu lợi nhuận gộp, lợi nhuận sau thuế năm 2019 đều tăng trưởng so với cùng kỳ 2018 do sự đóng góp của mảng kinh doanh nước sạch với biên lợi nhuận tốt.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 trên báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán giảm đi so với trước kiểm toán: do điều chỉnh một số khoản trích trước giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và doanh thu tài chính từ chuyển nhượng cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 trên báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán tăng so với trước kiểm toán: do ảnh hưởng ngược chiều của các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trên báo cáo tài chính riêng và tăng lợi nhuận ở một số công ty thành viên sau kiểm toán.

Nay Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai xin giải trình với Ủy Ban Chứng Khoán, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư được rõ.

Trân trọng kính chào!

Ngày 08 tháng 04 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hiếu

